

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/4/2022

*“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con chung ”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Minh Huyền

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Phương Trang;

2. Bà Chế Thị Hồng Cẩm;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Việt, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Chau Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 255/2021/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc “ *Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 15, khóm Thanh Lương, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (có mặt);

2. Bị đơn: Bà Hứa Thị P, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 15, khóm Thanh Lương, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 10 năm 2021, bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án ông Võ Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Theo đơn khởi kiện thì vào năm 2004 ông và bà P quen biết nhau do tự tìm hiểu nên chúng tôi có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nhưng giấy đăng ký kết hôn ông đã làm mất, mặc dù ông có đi trích lục tại UBND thị trấn Ba Chúc

nhưng vẫn không tìm thấy. Nhưng biên bản hòa giải ngày 24/02/2022 tại Tòa án thì ông T thống nhất vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Phi huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung với nhau tại địa chỉ tổ 15, khóm Thanh Lương, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng đến tháng 5 năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân về vấn đề tiền bạc vì khi bà P cho mượn tiền thì bà P không hỏi ý kiến chồng và khi bạn ông T mượn tiền thì bà P đi đòi không cho ông hay biết, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2021 cho đến nay. Nay tình cảm không còn ông T yêu cầu được ly hôn với bà P.

Về con chung: Ông T và bà P có hai con chung tên Võ Nhựt T, sinh năm 2005 và Võ Nhựt Th, sinh năm 2007. Ông T đồng ý giao hai đứa con Cháu T và cháu Th cho vợ nuôi dạy và không cấp dưỡng nuôi con do vợ không yêu cầu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày ngày 15/12/2021 và biên bản hòa giải tại Tòa án bị đơn bà Hứa Thị P trình bày:

Về hôn nhân: Bà P thống nhất theo ý kiến của ông T về điều kiện đi đến hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại UBND xã Lương Phi huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên trong thời gian chung sống vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn nhưng bà P vẫn đồng ý ly hôn. Nhưng biên bản hòa giải ngày 24/02/2022 tại Tòa án thì bà P lại thay đổi ý kiến bà không đồng ý ly hôn do vợ chồng không có mâu thuẫn vì bà còn thương chồng.

Về con chung: Bà P thống nhất có hai con chung tên Võ Nhựt T, sinh năm 2005 và Võ Nhựt Th, sinh năm 2007. Bà P yêu cầu được nuôi dạy hai con chung Cháu T và cháu Th, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng các đương sự không thống nhất ý kiến.

Tại phiên tòa ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thống nhất giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 321, quyển số II/2003, đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Phi ngày 13/5/2004 do bà P cung cấp tại Tòa là do vợ chồng có đăng ký kết hôn tại đây, bà Hứa Thị P vẫn giữ nguyên ý kiến là không đồng ý ly hôn và đã cung cấp thêm giấy chứng nhận đăng ký kết hôn.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết án Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 35, Điều 68, Điều 97 của Bộ luật tố tụng

dân sự, Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng quy định về xét xử phiên tòa sơ thẩm.

Về chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, chấp hành đúng quy định tại Điều 71,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không đủ cơ sở để chấp nhận cho ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Ông Võ Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Hứa Thị P có địa chỉ tại tổ 15, khóm Thanh Lương, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên thuộc tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về hôn nhân*: Ông T và bà P thống nhất vào năm 2004 chúng tôi quen biết nhau do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn số 321, quyển số II/2003, ngày 13/5/2004 tại UBND xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo ông T cho rằng, quá trình chung sống cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do về vấn đề tiền bạc vì khi bà P cho mượn tiền thì bà P không hỏi ý kiến chồng và khi bạn ông T mượn tiền thì bà P đi đòi không cho ông T hay biết đồng thời cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2021 cho đến nay, nay ông T yêu cầu ly hôn bà P nhưng bà P không đồng ý ly hôn do vợ chồng không có mâu thuẫn và bà còn thương chồng.

Theo biên bản xác minh ngày 24/3/2022 tại khóm Thanh Lương, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cho biết: Ông T và bà P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 15, khóm Thanh Lương, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Theo thông tin địa phương được biết mặc dù vợ chồng không có đến khóm trình báo về tình trạng hôn nhân nhưng địa phương chỉ nghe thông tin thì vợ chồng ông T bà P có mâu thuẫn chủ yếu về tiền bạc, còn mâu thuẫn tiền bạc cụ thể thế nào thì địa phương không rõ, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 3/2021 cho đến nay và hiện bà P đang nuôi hai đứa con chung sống bên nhà chồng. Ông T và bà P đều sinh sống bằng nghề làm thuê cho quán Thủy Ngân.

Mặc khác, theo biên bản xác minh ngày 18/3/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ba

Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang và biên bản xác minh ngày 21/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang đều cho biết ông Võ Văn T và bà Hứa Thị P không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Chúc (nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của vợ chồng) và không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương Phi (nơi vợ chồng ông T bà P cho rằng có đăng ký kết hôn).

Ông Võ Văn T và bà Hứa Thị P có tổ chức lễ cưới và sống chung từ năm 2004, có đủ điều kiện kết hôn mặc dù ông T cho rằng có đăng ký kết hôn nay giấy đó đã mất, tuy nhiên việc đăng ký kết hôn qua kết quả xác minh không thể hiện việc đã có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nhưng tại phiên Tòa bà P đã cung cấp được giấy đăng ký kết hôn và ông T đều thống nhất đây là giấy kết hôn của vợ chồng đã đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Lương Phi, huyện Tri Tôn.

Qua kết quả xác minh tại địa phương và các lời khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông T và bà P xuất phát từ vấn đề tiền bạc do việc cho mượn tiền không hồi ý kiến với nhau dẫn đến mâu thuẫn nên vấn đề mâu thuẫn này chưa đến mức trầm trọng, cần cho ông T và bà P một thời gian suy nghĩ và sửa đổi tính tình để vợ chồng hàn gắn tình cảm đoàn tụ gia đình, cùng nhau chia sẻ công việc, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Xét bác yêu cầu của ông T khởi kiện ly hôn với bà Hứa Thị P theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: Ông Võ Văn T và bà Hứa Thị P đồng thống nhất: Có hai con chung tên Võ Nhựt T, sinh năm 2005 và Võ Nhựt Th, sinh năm 2007. Do bác yêu cầu ly hôn của ông T nên về con chung không đề cập đến.

[4] *Về tài sản chung*: Ông T và bà P đồng thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Ông T và bà P đồng thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Ông T khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân theo mức án phí không giá ngạch.

Bà P không phải chịu án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T về việc xin ly hôn đối với bà Hứa Thị P.

Về án phí: Ông Võ Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008035 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Bà Hứa Thị P không phải chịu án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Tỉnh An Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Huyền